

LUẬN A TỶ ĐẠT MA ĐẠI TỶ BÀ SA

QUYỂN 97

LUẬN VỀ HỌC CHI (Phần 5)

Các pháp tương ứng với Niệm Giác chi, thì pháp ấy tương ứng với Trạch pháp Giác chi? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì ngăn chặn tông chỉ của người khác để hiển bày về chánh lý. Nghĩa là hoặc có người chấp: Không có các tâm-tâm sở pháp tương ứng thật sự, bởi vì không cùng lúc dấy khởi. Vì ngăn chặn ý đó, cần phải hiển bày tương ứng là vật thật sự có, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Các pháp tương ứng với Niệm Giác chi, thì pháp ấy tương ứng với Trạch pháp Giác chi?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt. Trong này, Niệm và Trạch pháp Giác chi, cùng có khắp tất cả các địa-tất cả các tâm vô lậu, cho nên thuận theo làm thành bốn câu phân biệt nhỏ:

1. Có pháp tương ứng với Niệm mà không phải là Trạch pháp, đó là Trạch pháp Giác chi; nghĩa là Niệm câu sinh và tự tánh của Trạch pháp Giác chi, pháp ấy tương ứng với Niệm chứ không phải là Trạch pháp Giác chi, pháp ấy tương ứng với Niệm chứ không phải là Trạch pháp Giác chi. bởi vì ba duyên cho nên tự tánh không tương ứng với tự tánh:

- Bởi vì không có hai Thể cùng lúc dấy khởi.

- Bởi vì trước và sau không hòa hợp.

- Bởi vì tất cả các pháp không quán xét tự Thể thì cần phải dùng Thể khác làm duyên sinh ra.

2. Có pháp tương ứng với Trạch pháp mà không phải là Niệm, đó là Niệm Giác chi; nghĩa là Trạch pháp câu sinh và tự tánh của Niệm Giác chi, pháp ấy tương ứng với Trạch pháp chứ không phải là Niệm

Giác chi. Tự tánh không tương ứng với tự tánh, nghĩa nói như trước.

3. Có pháp tương ứng với Niệm cũng là Trạch pháp, đó là hai pháp tương ứng; nghĩa là Niệm-Trạch pháp Giác chi câu sinh, trừ ra hai tự tánh còn lại pháp tương ứng, tức là tánh pháp đại địa, mười pháp Đại thiện địa, tùy theo phần vị của địa cũng có Tâm-Tứ... và tâm.

4. Có pháp không phải là tương ứng với Niệm cũng không phải là Trạch pháp, đó là còn lại tâm-tâm sở-sắc-vô vi-tâm bất tương ứng hành; nghĩa là trừ ra tâm-tâm sở pháp vô lậu, còn lại các tâm-tâm sở pháp hữu lậu, và tất cả sắc-vô vi-tâm bất tương ứng hành làm thành câu thứ tư.

Như đối với Trạch pháp Giác chi, đối với Tinh tiến-Khinh an-Định xả Giác chi, Chánh cần-Chánh định cũng như vậy; nghĩa là như Niệm Giác chi đối với Trạch pháp Giác chi làm thành bốn câu phân biệt nhỏ, đối với Tinh tiến Giác chi cho đến Chánh định nên biết là cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ứng với Niệm Giác chi, thì pháp ấy tương ứng với Hỷ Giác chi?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt. Trong này, Niệm Giác chi có khắp tất cả các địa-tất cả các tâm vô lậu, Hỷ Giác chi có khắp tất cả các tâm vô lậu chứ không phải là tất cả các địa, cho nên thuận theo làm thành bốn câu phân biệt trung bình:

1. Có pháp tương ứng với Niệm chứ không phải là Hỷ, đó là Hỷ Giác chi và Hỷ không tương ứng, pháp tương ứng với Niệm Giác chi; nghĩa là Niệm câu sinh và tự tánh của Hỷ Giác chi, pháp ấy tương ứng với Niệm chứ không phải là Hỷ Giác chi. Tự tánh không tương ứng với tự tánh, nghĩa nói như trước. Và Hỷ không tương ứng-pháp tương ứng với Niệm Giác chi, tức là Vị chí định-Tĩnh lự trung gian, hai Tĩnh lự sau-ba Vô sắc trước, pháp tương ứng với Niệm Giác chi, pháp ấy tương ứng với Niệm chứ không phải là Hỷ Giác chi, bởi vì trong các địa ấy đều không có Hỷ.

2. Có pháp tương ứng với Hỷ chứ không phải là Niệm, đó là Niệm tương ứng với Hỷ Giác chi; nghĩa là Hỷ câu sinh và tự tánh của Niệm Giác chi, pháp ấy tương ứng với Hỷ chứ không phải là Niệm Giác chi. Tự tánh không tương ứng với tự tánh, nghĩa nói như trước.

3. Có pháp tương ứng với Niệm cũng là Hỷ, đó là hai pháp tương ứng; nghĩa là Niệm-Hỷ Giác chi câu sinh, trừ ra hai tự tánh còn lại pháp tương ứng, tức là tám pháp Đại địa, mười pháp Đại thiện địa, tùy theo phần vị của địa cũng có Tâm-Tứ... và tâm.

4. Có pháp không phải là tương ứng với Niệm cũng không phải là Hỷ, đó là Hỷ không tương ứng với Niệm Giác chi, và còn lại tâm-tâm

sở pháp-sắc-vô vi-tâm bất tương ứng hành; nghĩa là tự tánh Niệm Giác chi của Vị chí định-Tĩnh lự trung gian, hai Tĩnh lự sau-ba Vô sắc trước, tự tánh ấy không phải là tương ứng với Niệm Giác chi, bởi vì tự tánh không tương ứng với tự tánh; cũng không phải là tương ứng với Hỷ Giác chi, bởi vì trong các địa ấy đều không có Hỷ. Trừ ra tâm-tâm sở pháp vô lậu, còn lại các tâm-tâm sở pháp hữu lậu, và tất cả sã-vô vi-tâm bất tương ứng hành làm thành câu thứ tư.

Như đối với Hỷ gem đối với Chánh kiến-Chánh tư duy cũng như vậy; nghĩa là như Niệm Giác chi đối với Hỷ Giác chi làm thành bốn câu phân biệt trung bình, đối với Chánh kiến-Chánh tư duy nên biết là cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ứng với Niệm Giác chi, thì pháp ấy tương ứng với Chánh niệm?

Đáp: Đúng như vậy.

Hỏi: Giả sử pháp tương ứng với Chánh niệm, thì pháp ấy tương ứng với Niệm Giác chi?

Đáp: Đúng như vậy. Nghĩa là Niệm Giác chi tức là Chánh niệm, cho nên thuận theo làm thành câu trả lời đúng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ứng với Trạch pháp Giác chi, thì pháp ấy tương ứng với Tinh tiến Giác chi?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt. Trong này, Trạch pháp và Tinh tiến Giác chi cùng có khắp tất cả các địa-tất cả các tâm vô lậu, cho nên thuận theo làm thành bốn câu phân biệt nhỏ:

1. Có pháp tương ứng với Trạch pháp chứ không phải là Tinh tiến, đó là Tinh tiến Giác chi; nghĩa là Trạch pháp câu sinh và tự tánh của Tinh tiến Giác chi, pháp ấy tương ứng với Trạch pháp chứ không phải là Tinh tiến Giác chi, bởi vì tự tánh không tương ứng với tự tánh.

2. Có pháp tương ứng với Tinh tiến chứ không phải là Trạch pháp, đó là Trạch pháp Giác chi, nghĩa là Tinh tiến câu sinh và tự tánh của Trạch pháp Giác chi, pháp ấy tương ứng với Tinh tiến chứ không phải là Trạch pháp Giác chi, bởi vì tự tánh không tương ứng với tự tánh.

3. Có pháp tương ứng với Trạch pháp cũng là Tinh tiến, đó là hai pháp tương ứng; nghĩa là Trạch pháp-Tinh tiến Giác chi câu sinh, trừ ra hai tự tánh còn lại pháp tương ứng, tức là chín pháp Đại địa, chín pháp Đại thiện địa, tùy theo phần vị của địa cũng có Tầm-Tứ... và tâm.

4. Có pháp không phải là tương ứng với Trạch pháp cũng không phải là Tinh tiến, đó là còn lại tâm-tâm sở pháp-sắc-vô vi-tâm bất tương ứng hành; nghĩa là trừ ra tâm-tâm sở pháp vô lậu, còn lại các tâm-tâm

sở pháp hữu lậu, và tất cả sắc-vô vi-tâm bất tương ứng hành làm thành câu thứ tư.

Như đối với Tinh tiến Giác chi, đối với Khinh an-Định-Xả giác chi, Chánh cần-Chánh niệm-Chánh định cũng như vậy; nghĩa là như Trạch pháp Giác chi đối với Tinh tiến Giác chi làm thành bốn câu phân biệt nhỏ, đối với Khinh an-Định-Xả Giác chi và Chánh cần-Chánh niệm-Chánh định nên biết là cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ứng với Hỷ Giác chi?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt. Trong này, Trạch pháp Giác chi có khắp tất cả các địa-tất cả các tâm vô lậu, Hỷ Giác chi có khắp tất cả các địa-tất cả các tâm vô lậu, Hỷ Giác chi có khắp tất cả các tâm vô lậu chứ không phải là tất cả các địa, cho nên thuận theo làm thành bốn câu phân biệt trung bình:

1. Có pháp tương ứng với Trạch pháp chứ không phải là Hỷ, đó là Hỷ Giác chi và Hỷ không tương ứng, pháp tương ứng với Trạch pháp Giác chi; nghĩa là Trạch pháp câu sinh và tự tánh không tương ứng với tự tánh. Và Hỷ không tương ứng-pháp tương ứng với Trạch pháp Giác chi, tức là Vị chí Định-Tĩnh lự trung gian, hai Tĩnh lự, sau-ba Vô sắc trước; pháp tương ứng với Trạch pháp Giác chi, pháp ấy tương ứng với Trạch pháp chứ không phải là Hỷ Giác chi, bởi vì trong các địa ấy đều không có Hỷ.

2. Có pháp tương ứng với Hỷ chứ không phải là Trạch pháp, đó là Trạch pháp tương ứng với Hỷ Giác chi chứ không phải là Trạch pháp Giác chi, bởi vì tự tánh không tương ứng với tự tánh.

3. Có pháp tương ứng với Trạch pháp cũng là Hỷ, đó là hai pháp tương ứng; nghĩa là Trạch pháp-Hỷ Giác chi câu sinh, trừ ra hai tự tánh còn lại pháp tương ứng tức là tám pháp Đại địa, mười pháp Đại thiện địa, tùy theo phần vị của địa cũng có Tâm-Tứ... và tâm.

4. Có pháp không phải là tương ứng với Trạch pháp cũng không phải là Hỷ, đó là Hỷ không tương ứng với Trạch pháp Giác chi, và còn lại tâm-tâm sở pháp-sắc-vô vi-tâm bất tương ứng hành; nghĩa là tự tánh Trạch pháp Giác chi của Vị chí Định-Tĩnh lự trung gian, hai Tĩnh lự sau-ba Vô-sắc trước, pháp ấy không phải là tương ứng với Trạch pháp Giác chi, bởi vì tự tánh không tương ứng với tự tánh; cũng không phải là tương ứng với Hỷ Giác chi, bởi vì trong các địa ấy đều không có Hỷ. Trừ ra tâm-tâm sở pháp vô lậu, còn lại các tâm-tâm sở pháp hữu lậu, và tất cả sắc-vô vi-tâm bất tương ứng hành làm thành câu thứ tư.

Như đối với Hỷ Giác chi, đối với Chánh tư duy cũng như vậy; ng-

hĩa là như Trạch pháp Giác chi đối với Hỷ Giác chi làm thành bốn câu phân biệt trung bình, đối với Chánh tư duy nên biết cũng là như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ứng với Trạch pháp Giác chi, thì pháp ấy tương ứng với Chánh kiến?

Đáp: Các pháp tương ứng với Chánh kiến cũng tương ứng với Trạch pháp. Có pháp tương ứng với Trạch pháp mà không phải là tương ứng với Chánh kiến, đó là Chánh kiến vốn không thấu nhiếp các pháp tương ứng với Trạch pháp Giác chi; nghĩa là pháp tương ứng với Tận trí-Vô sinh trí, pháp ấy tương ứng với Trạch pháp Giác chi chứ không phải là Chánh kiến, bởi vì Tận trí-Vô sinh trí không phải là tánh thuộc Kiến. Bởi vì Trạch pháp rộng mà Chánh kiến hẹp, cho nên đưa ra thuận theo câu sau.

Hỏi: Các pháp tương ứng với Tinh tiến Giác chi, thì pháp ấy tương ứng với Hỷ Giác chi?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt. Trong này, Tinh tiến Giác chi có khắp tất cả các địa-tất cả các tâm vô lậu, Hỷ Giác chi có khắp tất cả các tâm vô lậu chứ không phải là tất cả các địa, cho nên thuận theo làm thành bốn câu phân biệt trung bình. Giải thích rộng về bốn câu phân biệt, dựa theo trước nên biết.

Như đối với Hỷ Giác chi, đối với Chánh kiến-Chánh tư duy cũng như vậy; nghĩa là như Tinh tiến Giác chi đối với Hỷ Giác chi làm thành bốn câu phân biệt trung bình, đối với Chánh kiến-Chánh tư duy nên biết là cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ứng với Tinh tiến Giác chi, thì pháp ấy tương ứng với Khinh an Giác chi?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt. Trong này, Tinh tiến và Khinh an Giác chi cùng có khắp tất cả các địa-tất cả các tâm vô lậu, cho nên thuận theo làm thành bốn câu phân biệt nhỏ, giải thích rộng về bốn câu phân biệt, dựa theo trước nên biết.

Như đối với Khinh an Giác chi, đối với Định-Xả Giác chi và Chánh niệm-Chánh định cũng như vậy; nghĩa là như Tinh tiến Giác chi đối với Khinh an Giác chi làm thành bốn câu phân biệt nhỏ, đối với Định-Xả Giác chi và Chánh niệm-Chánh định nên biết là cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ứng với Tinh tiến Giác chi, thì pháp ấy tương ứng với Chánh cần?

Đáp: Đúng như vậy.

Hỏi: Gải sử pháp tương ứng với Chánh cần, thì pháp ấy tương ứng với Tinh tiến Giác chi?

Đáp: Đúng như vậy. Nghĩa là Tinh tiến Giác chi tức là Chánh cần, cho nên thuận theo làm thành câu trả lời đúng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ứng với Hỷ Giác chi, thì pháp ấy tương ứng với Khinh an Giác chi?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt. Trong này, Hỷ Giác chi có khắp tất cả các tâm vô lậu chứ không phải là tất cả các địa, Khinh an Giác chi có khắp tất cả các tâm vô lậu và cũng có khắp tất cả các địa, cho nên thuận theo làm thành bốn câu phân biệt trung bình, giải thích rộng về bốn câu phân biệt, dựa theo trước nên biết.

Như đối với Khinh an giác chi, đối với Định-Xả giác chi và Chánh cần-Chánh niệm-Chánh định cũng như vậy; nghĩa là như Hỷ giác chi đối với Khinh an giác chi làm thành bốn câu phân biệt trung bình, đối với Định-Xả giác chi và Chánh cần-Chánh niệm-Chánh định nên biết là cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ứng với Hỷ giác chi, thì pháp ấy tương ứng với Chánh kiến?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt. Trong này, Hỷ giác chi có khắp tất cả các tâm vô lậu chứ không phải là tất cả các địa, Chánh kiến có khắp tất cả các các địa chứ không phải là tất cả các tâm vô lậu, cho nên thuận theo làm thành bốn câu phân biệt lớn:

1. Có pháp tương ứng với Hỷ chứ không phải là Chánh kiến, đó là Hỷ giác chi tương ứng với Chánh kiến, và Chánh kiến không tương ứng với pháp tương ứng của Hỷ giác chi; nghĩa là Hỷ giác chi câu sinh và tự tánh của Chánh kiến, pháp ấy tương ứng với Hỷ giác chi chứ không phải là Chánh kiến, bởi vì tự tánh không tương ứng với tự tánh. Và Chánh kiến không tương ứng với pháp tương ứng của Hỷ giác chi, tức là Tận trí-Vô sinh trí câu sinh và pháp tương ứng với Hỷ giác chi của hai Tĩnh lự đầu, pháp ấy tương ứng với Hỷ giác chi chứ không phải là Chánh kiến, bởi vì đều là tự khác.

2. Có pháp tương ứng với Chánh kiến chứ không phải là Hỷ, đó là Chánh kiến tương ứng với Hỷ giác chi, và Hỷ giác chi không tương ứng với pháp tương ứng của Chánh kiến; nghĩa là Chánh kiến tương ứng với tự tánh của Hỷ giác chi, pháp ấy tương ứng với Chánh kiến chứ không phải là Hỷ giác chi, bởi vì tự tánh không tương ứng với tự tánh. Và Hỷ giác chi không tương ứng với pháp tương ứng của Chánh kiến, tức là pháp tương ứng với Chánh kiến của Vị chí Định-Tĩnh lự trung gian, hai Tĩnh lự sau-ba Vô-sắc trước, pháp ấy tương ứng với Chánh kiến chứ không phải là Hỷ giác chi, bởi vì trong các địa ấy đều không có Hỷ.

3. Có pháp tương ứng với Hỷ cũng là Chánh kiến, đó là hai pháp tương ứng; nghĩa là Hỷ giác chi-Chánh kiến câu sinh, trừ ra hai tự tánh còn lại pháp tương ứng, tức là tám pháp Đại địa, mười pháp Đại thiện địa, tùy theo phần vị của địa cũng có Tâm-Tứ ... và tâm.

4. Có pháp không phải là tương ứng với Hỷ cũng không phải là Chánh kiến, đó là Hỷ giác chi không tương ứng với Chánh kiến, Chánh kiến không tương ứng với Hỷ giác chi, và còn lại tâm-tâm sở pháp-sắc-vô vi-tâm bất tương ứng hành; nghĩa là Hỷ giác chi không tương ứng với Chánh kiến, tức là tự tánh Chánh kiến của Vị chí Định-Tĩnh lự trung gian, hai Tĩnh lự sau-ba Vô-sắc trước, pháp ấy không hẳn là tương ứng với Hỷ giác chi, bởi vì trong các địa ấy đều không có Hỷ. Cũng không phải là tương ứng với Chánh kiến, bởi vì tự tánh không tương ứng với tự tánh. Chánh kiến không tương ứng với Hỷ giác chi, tức là Tận trí-Vô sinh trí câu sinh và tự tánh Hỷ giác chi của hai Tĩnh lự đầu, pháp ấy không phải là tương ứng với Chánh kiến, bởi vì đều là tự khác. Cũng không phải là tương ứng với Hỷ giác chi, bởi vì tự tánh không tương ứng với tự tánh. Và còn lại tâm-tâm sở pháp, tức là Tận trí-Vô sinh trí câu sinh, tự tâm-tâm sở pháp, và tất cả tâm-tâm sở pháp hữu lậu, cùng tất cả sắc-vô vi-tâm bất tương ứng hành của Vị chí Định-Tĩnh lự trung gian, hai Tĩnh lự sau-ba Vô-sắc trước làm thành câu thứ tư.

Như đối với Chánh kiến, đối với Chánh tư duy cũng như vậy; nghĩa là như Hỷ giác chi đối với Chánh kiến làm thành bốn câu phân biệt lớn, đối với Chánh tư duy nên biết là cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ứng với Khinh an giác chi, thì pháp ấy tương ứng với Định giác chi?

Đáp: nên làm thành bốn câu phân biệt. Trong này, Khinh an-Định giác chi cùng có khắp tất cả các địa-tất cả các tâm vô lậu, cho nên thuận theo làm thành bốn câu phân biệt nhỏ, giải thích rộng về bốn câu phân biệt, dựa theo trước nên biết.

Như đối với Định giác chi, đối với Xả giác chi và Chánh cần-Chánh niệm-Chánh định cũng như vậy; nghĩa là như Khinh an giác chi đối với Định giác chi làm thành bốn câu phân biệt nhỏ, đối với Xả giác chi cho đến Chánh định, nên biết là cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ứng với Khinh an giác chi, thì pháp ấy tương ứng với Chánh kiến?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt. Trong này, Khinh an giác chi có khắp tất cả các địa-tất cả các tâm vô lậu, Chánh kiến có khắp tất cả các địa chứ không phải là tất cả các tâm vô lậu, của thuận theo làm

thành bốn câu phân biệt trung bình. Giải thích rộng về bốn câu phân biệt, dựa theo trước nên biết.

Như đối với Chánh kiến, đối với Chánh tư duy cũng như vậy; nghĩa là như Khinh an giác chi đối với Chánh kiến làm thành bốn câu phân biệt trung bình, đối với Chánh tư duy nên biết là cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ứng với Định giác chi, thì pháp ấy tương ứng với xả giác chi?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt. Trong này, Định-Xả giác chi cùng có khắp tất cả các địa-tất cả các tâm vô lậu, cho nên thuận theo làm thành bốn câu phân biệt nhỏ. Giải thích rộng về bốn câu phân biệt, dựa theo trước nên biết.

Như đối với Xả giác chi, đối với Chánh cần-Chánh niệm cũng như vậy; nghĩa là như Định giác chi đối với Xả giác chi làm thành bốn câu phân biệt nhỏ, đối với Chánh cần-Chánh niệm nên biết là cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ứng với Định giác chi, thì pháp ấy tương ứng với Chánh kiến?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt. Trong này, Định giác chi có khắp tất cả các địa-tất cả các tâm vô lậu, Chánh kiến có khắp tất cả các địa chứ không phải là tất cả các tâm vô lậu, cho nên thuận theo làm thành bốn câu phân biệt trung bình. Giải thích rộng về bốn câu phân biệt, dựa theo trước nên biết.

Như đối với Chánh kiến, đối với Chánh tư duy cũng như vậy; nghĩa là như Định giác chi đối với Chánh kiến làm thành bốn câu phân biệt trung bình, đối với Chánh tư duy nên biết là cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ứng với Định giác chi, thì pháp ấy tương ứng với Chánh định?

Đáp: Đúng như vậy.

Hỏi: Giải sử pháp tương ứng với Chánh định, thì pháp ấy tương ứng với Định giác chi?

Đáp: Đúng như vậy. Nghĩa là Định giác chi tức là Chánh định, cho nên thuận theo làm thành câu trả lời đúng như vậy.

Các pháp tương ứng với Xả giác chi, thì pháp ấy tương ứng với Chánh kiến? Cho đến nói rộng ra.

Trong này, Xả giác chi đối với Chánh kiến-Chánh tư duy làm thành bốn câu phân biệt trung bình, đối với Chánh cần-Chánh niệm-Chánh định làm thành bốn câu phân biệt nhỏ. Chánh kiến đối với Chánh tư duy làm thành bốn câu phân biệt lớn, đối với Chánh cần-Chánh niệm-

Chánh định làm thành bốn câu phân biệt trung bình. Chánh tư duy đối với Chánh cần-Chánh niệm-Chánh định làm thành bốn câu phân biệt trung bình. Chánh cần đối với Chánh niệm-Chánh định làm thành bốn câu phân biệt nhỏ. Chánh niệm đối với Chánh định làm thành bốn câu phân biệt nhỏ. Như vậy tất cả dựa theo trước nên biết.

Thế nào là Chánh kiến thế tục? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì muốn phân biệt về nghĩa sâu kín trong các kinh. Như trong kinh nói: “Nếu người thành tựu Chánh kiến thế tục tăng lên cao, giả sử trải qua trăm ngàn đời thì cuối cùng không rơi vào nẻo ác.” Các kinh như vậy, tuy nói về các loại Chánh kiến thế tục mà không giải thích rộng ra, kinh là nơi nương tựa căn bản của luận này, điều gì trong kinh chưa giải thích thì nay cần phải phân biệt. Lại nữa, trước đây tuy nói chung về ba loại là Kiến-Trí-Tuệ, mà chưa nói riêng biệt thế nào là Chánh kiến thế tục, thế nào là Chánh trí thế tục? Phần luận trước là nơi nương tựa căn bản của phần luận này, điều gì phần trước chưa thì nay cần phải nói đến.

Lại nữa, vì ngăn chặn tông chỉ của người khác để hiển bày về chánh lý. Nghĩa là hoặc có người nói: ý thức tương ứng với Tuệ hữu lậu thiện không phải đều là Kiến. Như phái Thí Dụ, họ đưa ra cách nói này: Năm thức đã dẫn dắt có thể phát ra biểu nghiệp, và lúc mạng chung Tuệ thiện thuộc ý địa đều không phải là tánh thuộc Kiến. Nguyên có thế nào? Bởi vì Kiến có năm thức phân biệt đã dẫn dắt Tuệ thiện thuộc ý địa, như năm thức thân không có thể phân biệt cho nên không phải là tánh thuộc Kiến. Kiến phần trong dấy khởi có thể phát ra biểu nghiệp, Tuệ thiện thuộc ý địa dựa vào phần ngoài mà chuyển cho nên không phải là tánh thuộc Kiến. Tác dụng của Kiến mạnh mẽ, lúc mạng chung thì thế dụng của Tuệ thiện yếu kém, cho nên không phải là tánh thuộc Kiến. Hỏi họ làm sao thông suốt điều trong kinh đã nói? Như trong kinh nói: “Lúc người ấy mạng chung thì tâm-tâm sở pháp thiện cùng hiện hành với Chánh kiến.” Họ đưa ra cách trả lời này: Đức Thế Tôn nói lúc người ấy sắp mạng chung, tâm thiện nối tiếp nhau cùng dấy khởi Chánh kiến, không phải là phần vị đang chết mà có Chánh kiến hiện hành. Vì ngăn chặn cái chấp ấy để hiển bày ý thức cùng với tất cả Tuệ thiện đều là tánh Kiến thâm nhiếp. Bởi vì các loại nhân duyên như vậy, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Thế nào là Chánh kiến thế tục?

Đáp: Ý thức tương ứng với Tuệ thiện hữu lậu. Ở đây có ba loại:

1. Gia hạnh đạt được.
2. Lìa nhiễm đạt được.

3. Sinh ra đạt được. Gia hạnh đạt được, nghĩa là Tuệ do Văn mà thành, Tuệ do Tư mà thành, Tuệ do Tu mà thành. Trong này, sai biệt là có Tuệ câu sinh do quán Bất tịnh - Trì tức niệm..., và các Niệm trú, cùng với Noãn - Đảnh - Nhẫn - Thế đệ nhất pháp... Lìa nhiễm đạt được, nghĩa là Tuệ câu sinh của Tĩnh lự - Vô lượng - Vô sắc - Giải thoát - Thắng xứ - Biến xứ... Sinh ra đạt được, nghĩa là do sinh vào địa ấy mà đạt được Tuệ thiện.

Các loại Chánh kiến thế tục như vậy, sai biệt vô bờ bến giống như vô lượng giọt nước trong bốn biển rộng, nay ở trong này nói tóm lược để hiển bày sơ qua Chánh kiến thế tục.

Hỏi: Thế nào là Chánh trí thế tục?

Đáp: Năm thức tương ứng với Tuệ thiện, và ý thức tương ứng với Tuệ thiện hữu lậu. Năm thức tương ứng với Tuệ thiện, đó là nhãn thức tương ứng với Tuệ thiện, cho đến thân thức tương ứng với Tuệ thiện. Nhãn thức tương ứng với Tuệ thiện, nghĩa là nhìn cha mẹ, chư Phật, Bồ-tát, Độc giác, Thanh văn, Thân giáo, Quý phạm sư, và những người cùng chung phạm hạnh tôn trọng khác, mà khởi lên nhãn thức tương ứng với Tuệ thiện. Nhĩ thức tương ứng với Tuệ thiện, nghĩa là nghe tất cả lời nói tốt lành của cha mẹ, Thân giáo, Quý phạm sư, và những người cùng chung phạm hạnh khác, và nghe ba Tạng giáo pháp của chư Phật, đệ tử bậc Thánh..., mà khởi lên nhĩ thức tương ứng với Tuệ thiện. Tỷ - thiết thân thức tương ứng với Tuệ thiện, nghĩa là lúc thọ dụng ăn uống (đoàn thực) mà khởi lên ba thức tương ứng với Tuệ thiện. Ba thức này không phải là tất cả mọi người đều có thể dấy khởi, phải là người thực hành tu quán sát về ăn uống, mà lúc thọ dụng thì mới có thể phát khởi được. Ý thức tương ứng với Tuệ thiện hữu lậu, nói rộng ra như trước.

Đã nói về tự tánh của Chánh trí - Chánh kiến thế tục, tương xen tạp và không xen tạp nay sẽ nói đến.

Hỏi: Các Chánh kiến thế tục, là Chánh trí thế tục chăng?

Đáp: Các Chánh kiến thế tục cũng là Chánh trí thế tục. Có Chánh trí thế tục mà không phải là Chánh kiến thế tục, đó là năm thức tương ứng với Tuệ thiện. Trong này, Chánh kiến thế tục nhất định phải xem xét quyết định lại đối với sở duyên. Năm thức cùng với Tuệ, không gọi là Kiến thì như trước đã nói.

Hỏi: Chánh kiến thế tục thâm nhiếp Chánh trí thế tục, hay là Chánh trí thế tục thâm nhiếp Chánh kiến thế tục?

Đáp: Chánh trí thế tục thâm nhiếp Chánh kiến thế tục, không phải là Chánh kiến thế tục thâm nhiếp Chánh trí thế tục. Không thâm nhiếp những gì? Đó là năm thức tương ứng với Tuệ thiện. Trong này, bởi vì Thế của Chánh trí là rộng mà Chánh kiến thì hẹp, cho nên giống như lớn thâm nhiếp nhỏ chứ không phải là nhỏ thâm nhiếp lớn.

Hỏi: Các Chánh kiến thế tục thành tựu, đó là Chánh trí thế tục chăng?

Đáp: Đúng như vậy. Hỏi: Giả sử Chánh trí thế tục thành tựu, thì đó là Chánh kiến thế tục chăng? Đáp: Đúng như vậy.

Hỏi: Ai thành tựu Chánh kiến - Chánh trí thế tục?

Đáp: Người không đoạn mất căn thiện. Đây là nói tổng quát. Nếu nói riêng biệt thì có nhiều - có ít, nghĩa là hoặc có người chỉ thành tựu Chánh kiến - Chánh trí thế tục của cõi Dục, hoặc có người chỉ thành tựu hai loại của cõi Sắc, hoặc có người chỉ thành tựu hai loại của cõi Vô sắc, hoặc có người thành tựu hai loại của cõi Dục - Sắc, hoặc có người thành tựu hao loại của cõi Sắc - Vô sắc, hoặc có người thành tựu Chánh kiến - Chánh trí thế tục của ba cõi. Như nói về ba cõi, chín địa cũng như vậy, hoặc là ít - hoặc là nhiều nên nói đúng như lý.

Hỏi: Các Chánh kiến thế tục đã đoạn, đã biết khắp, thì đó là Chánh trí thế tục chăng?

Đáp: Đúng như vậy. Hỏi: Giả sử Chánh trí thế tục đã đoạn - đã biết khắp, thì đó là Chánh kiến thế tục chăng? Đáp: Đúng như vậy.

Hỏi: Ai đã đoạn, đã biết khắp đối với Chánh kiến - Chánh trí thế tục?

Đáp: Các A-la-hán. Đây là nói tổng quát. Nếu nói riêng biệt thì có nhiều, có ít, nghĩa là dị sinh và Thánh giả đã lìa nhiễm của Vô sở hữu xứ, đã đoạn, đã biết khắp về Chánh kiến, Chánh trí thế tục của tám địa; cho đến dị sinh và Thánh giả đã lìa nhiễm cõi Dục mà chưa lìa nhiễm của Tịch lự thứ nhất, đã đoạn - đã biết khắp về Chánh kiến - Chánh trí thế tục của một địa.

Chánh kiến - Chánh trí thế tục này là hữu lậu, cho nên hỏi đầy đủ về Định thâm nhiếp thành tựu và Đoạn, có năm phần phân biệt.

Hỏi: Vì sao gọi là Thế tục, vì có thể biến đổi hư hoại cho nên gọi là Thế tục, hay vì tham vào nơi nương tựa cho nên gọi là Thế tục? Nếu bởi vì có thể biến đổi hư hoại cho nên gọi là Thế tục, thì Thánh đạo cũng có thể biến đổi hư hoại, phải gọi là Thế tục. Nếu bởi vì tham vào nơi nương tựa cho nên gọi là Thế tục, thì cũng là nơi nương tựa của thân - si, tại sao chỉ nói đến tham?

Đáp: Nên nói như vậy: Là có thể biến đổi hư hoại cho nên gọi là Thế tục.

Hỏi: Nếu như vậy thì Thánh đạo cũng có thể biến đổi hư hoại, phải gọi là Thế tục chứ?

Đáp: Nếu có thể biến đổi hư hoại luôn luôn nối tiếp của quả báo (chư Hữu) tăng trưởng quả báo thì gọi là Thế tục; Thánh đạo tuy có thể biến đổi hư hoại mà không luôn luôn nối tiếp các quả báo, lại làm cho các quả báo giảm bớt, cho nên không phải là Thế tục.

Lại nữa, nếu có thể biến đổi hư hoại luôn luôn làm cho sinh tử lưu chuyển vô cùng tận, sinh lão bệnh tử luôn luôn nối tiếp nhau thì gọi là Thế tục; Thánh đạo tuy có thể biến đổi hư hoại mà không làm cho sinh tử lưu chuyển vô cùng tận, nhưng lại đoạn dứt sinh lão bệnh tử làm cho không nối tiếp nhau, cho nên không phải là Thế tục.

Lại nữa, nếu có thể biến đổi hư hoại là hành hưởng đến Khổ - Tập, cũng là hành Tập hưởng đến sinh lão bệnh tử - quả báo của thế gian, thì gọi là Thế tục; Thánh đạo tuy có thể biến đổi hư hoại mà không phải là hành hưởng đến Khổ - Tập, cũng không phải là hành Tập hưởng đến sinh lão bệnh tử - quả báo của thế gian, cho nên không phải là Thế tục.

Lại nữa, nếu có thể biến đổi hư hoại là nơi chốn của Hữu thân kiến, là nơi chốn của điên đảo, nơi chốn của ái, nơi chốn của tùy miên, là nơi dừng chân đứng yên của tham sân si, có vết bẩn - có chất độc - có lỗi lầm - có gai góc - có hỗn loạn - có nhiễm ô, thuận theo quả báo của thế gian, thuận theo Khổ - Tập đế, thì gọi là Thế tục; Thánh đạo tuy có thể biến đổi hư hoại mà trái ngược với những tướng ấy, cho nên không phải là Thế tục. Lại có người nói: Là nơi nương tựa của tham, cho nên gọi là Thế tục.

Hỏi: Nếu như vậy thì cũng là nơi nương tựa của sân - si, tại sao chỉ nói đến tham?

Đáp: Tuy đó cũng là nơi nương tựa của sân - si, mà tham là mạnh nhất cho nên chỉ nói đến tham. Nhưng trong kinh nói có thể biến đổi hư hoại cho nên gọi là Thế tục.

Như trong kinh nói: “Tỳ kheo Phong Thiêm đi đến nơi Đức Phật, đầu lay sát hai chân rồi thưa với Đức Phật rằng: Thưa Đức Thế Tôn! Đã nói đến Thế tục thì nghĩa của Thế tục là gì? Đức Phật bảo với Phong Thiêm: Là có thể biến đổi hư hoại, cho nên gọi là Thế tục. Tỳ kheo Phong Thiêm lại thưa với Đức Phật rằng: Cái gì là có thể biến đổi hư hoại? Đức Phật bảo với Phong Thiêm: Nhãn xứ có thể biến đổi hư hoại,

Sắc xứ có thể biến đổi hư hoại, cho đến Ý xứ có thể biến đổi hư hoại, Pháp xứ có thể biến đổi hư hoại, bởi vì có thể biến đổi hư hoại cho nên gọi là Thế tục.”

Hỏi: Vì sao Đức Thế Tôn nói mười hai Xứ là có thể biến đổi hư hoại cho nên gọi là Thế tục, chứ không phải là pháp nào khác?

Đáp: Quán xét người tiếp nhận hóa độ, nên nghe nói về các Xứ là Thế tục mà được hiểu biết rõ ràng, cho nên chỉ nói về Xứ; như trong kinh khác nói những Thủ uẩn gọi là Thế tục, kinh này cũng như vậy. Lại nữa, giáo thuyết mười hai Xứ là nói trong phạm vi của Xứ, mà đầu nhiếp tất cả các pháp cho nên chỉ nói đến Xứ.

Hỏi: Các pháp biến đổi hư hoại đều là Thế tục chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có pháp là Thế tục mà không phải là biến đổi hư hoại, đó là Khổ đế - Tập đế thuộc quá khứ vị lai.
2. Có pháp là biến đổi hư hoại mà không phải là Thế tục, đó là Đạo đế thuộc hiện tại.
3. Có pháp là Thế tục cũng là biến đổi hư hoại, đó là Khổ đế - Tập đế hiện tại.
4. Có pháp không phải là Thế tục cũng không phải là biến đổi hư hoại, đó là Đạo đế thuộc quá khứ - vị lai, và tất cả vô vi.

Hỏi: Biến đổi và hư hoại có gì sai biệt?

Đáp: Biến đổi là biểu hiện rõ ràng về pháp Vô thường vi tế, hư hoại là biểu hiện rõ ràng về pháp Vô thường thô thiển. Lại nữa, biến đổi là biểu hiện rõ ràng về Vô thường thuộc chúng đồng phần. Lại nữa, biến đổi là biểu hiện rõ ràng về Vô thường thuộc phần bên trong, hư hoại là biểu hiện rõ ràng về Vô thường thuộc phần bên ngoài. Lại nữa, biến đổi là biểu hiện rõ ràng về Vô thường thuộc trí hữu tình, hư hoại là biểu hiện rõ ràng về Vô thường thuộc trí vô tình, như nói nhà cửa hư hoại – kho tàng... hư hoại.

Thế nào là Kiến vô lậu? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Tuy trước đây nó tổng quát về ba loại Kiến - Trí và Tuệ, mà chưa nói riêng biệt thế nào là Kiến vô lậu, thế nào là Trí vô lậu? Phần luận trước là nơi nương tựa căn bản của phần luận này, điều gì phần luận trước chưa nói thì nay cần phải nói đến điều đó. Lại nữa, tuy trước đây đã nói về Kiến - Trí thế tục, nay muốn hiển bày về pháp đối trị gần của pháp ấy, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Thế nào là Kiến vô lậu?

Đáp: Trừ ra Tận Trí - Vô sinh trí, còn lại Tuệ vô lậu. Điều này lại là thế nào? Đó là tám Nhẫn vô lậu hiện quán biên, và tám Trí về Học - Chánh kiến Vô học.

Hỏi: Thế nào là Trí vô lậu?

Đáp: Trừ ra Nhẫn vô lậu, còn lại Tuệ vô lậu. Điều này lại là thế nào? Đó là tám Trí về Học-Vô học.

Đã nói về tự tánh của Kiến-Trí vô lậu, nay sẽ biểu hiện rõ ràng về tướng xen tạp và không xen tạp.

Hỏi: Các Kiến vô lậu là Trí vô lậu chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc Kiến vô lậu mà không phải là Trí vô lậu, đó là Nhẫn vô lậu, bởi vì loại này có tướng của Kiến mà không có tướng của Trí.

2. Có lúc Trí vô lậu mà không phải là Kiến vô lậu, đó là Tận Trí - Vô sinh trí, bởi vì loại này có tướng của Trí mà không có tướng của Kiến.

3. Có lúc Kiến vô lậu cũng là Trí vô lậu, đó là trừ ra Nhẫn vô lậu - Tận trí - Vô sinh trí, còn lại Tuệ vô lậu. Điều này lại là thế nào? Đó là tám trí về Học và Chánh kiến Vô học, bởi vì loại này có tướng của Kiến và tướng của Trí.

4. Có lúc không phải là Kiến vô lậu cũng không phải là Trí vô lậu, đó là trừ ra những tướng trước. Tướng là thuộc về danh, nói rộng ra như trước. Điều này lại là thế nào? Đó là trong Hành uẩn trừ ra Tuệ vô lậu, còn lại các Hành uẩn và bốn Uẩn toàn phần, cùng với pháp vô vi làm thành câu thứ tư. Kiến - Trí vô lậu thâm nhiếp lẫn nhau, bốn câu phân biệt dựa theo Định nên biết.

Hỏi: Các Kiến vô lậu thành tựu thì đó là Trí vô lậu chăng?

Đáp: Các Trí vô lậu thành tựu cũng là Kiến vô lậu. Có lúc Kiến vô lậu thành tựu mà không phải là Trí vô lậu, đó là lúc Khổ pháp trí nhẫn hiện rõ ở trước mắt, lúc bấy giờ chưa tu về Trí vô lậu. Luận sư của bản luận này khéo léo biết rõ sự sai biệt về tánh tướng của các pháp, nếu cần phải nói thì thậm chí một niệm cũng nói riêng biệt, không cần phải nói thì cho đến số lượng vượt quá nước trong bốn biển rộng mà cũng không nói, đã nói đến mở rộng hay tóm lược thì cần phải quán xét có công dụng hay không!

Hỏi: Vì sao trong này chỉ nói đến bốn phần là hỏi-xác định-thâu nhiếp và thành tựu mà không nói về Đoạn?

Đáp: Có cấu nhiễm là Đoạn, vô lậu không có cấu nhiễm cho nên

không nói về Đoạn; như áo quần, đồ đựng... thì phải có vết bẩn, cần phải giặt rửa sạch sẽ, chứ không phải là đồ vật không có vết bẩn, vì thế cho nên vô lậu không cần phải nói về Đoạn.

Hỏi: Nếu pháp vô lậu không cần phải Đoạn, thì trong kinh đã nói nên thông hiểu thế nào? Như nói: “Này Tỳ kheo! Nếu các ông hiểu Ta đã nói về chiếc bè dụ cho pháp môn thì pháp hãy còn phải đoạn bỏ, huống gì là không phải pháp? “Pháp này nên biết chính là Đạo vô lậu.

Đáp: Đoạn có hai loại:

1. Đoạn thuộc về đoạn bỏ ái.

2. Đoạn thuộc về rời bỏ. Thánh đạo tuy không có Đoạn thuộc về đoạn bỏ ái mà có Đoạn thuộc về rời bỏ, lúc nhập Niết-bàn thì rời bỏ pháp này, nghĩa là các Tỳ kheo trước đó dựa vào Thánh đạo mà các lậu được trừ hết, bởi vì ý niệm báo ân cho nên thường xuyên trở lại tu tập dấy khởi Thánh đạo hiện rõ trước mắt, về sau bị những nỗi khổ của bốn trăm lẽ bốn căn bệnh ở thế gian bức bách quá sức. Vì vậy Đức Phật bảo rằng: Tỳ kheo các ông đã dựa vào Thánh đạo mà làm những việc cần làm, bây giờ nên rời bỏ để tiến vào Niết-bàn vô dư y. Như người dựa vào chiếc bè được qua sông rồi, nghĩ báo đền công ân mà hãy còn mang đi theo, người ta nói cho biết rằng: Trước đây ông dựa vào chiếc bè này đã được qua sông, này có thể rời bỏ mà đi nhẹ nhàng. Tỳ kheo cũng như vậy.

Hỏi: Trong này thế nào là pháp, là phi pháp?

Đáp: Ngôn giáo trong đạo là pháp, ngôn giáo ngoài đạo là phi pháp. Ngôn giáo trong đạo hiển bày về Không, Vô ngã tùy thuận với Niết, bàn, có năng lực làm cho vĩnh viễn đoạn dứt sinh lão bệnh tử, hãy còn cần phải đoạn bỏ, huống gì tất cả ngôn giáo ngoài đạo trái với Không-Vô ngã, ngược lại với Niết-bàn, có năng lực làm cho sinh lão bệnh tử của thế gian tăng trưởng và nối tiếp nhau mà không cần phải đoạn bỏ hay sao?

Lại có người nói: Nếu khéo léo thọ trì Danh-Cú-Văn thân thì đó là pháp, không khéo léo thọ trì Danh-Cú-Văn thân thì đó là phi pháp, khéo léo thọ trì hãy còn cần phải đoạn bỏ, huống hồ không khéo léo mà không cần phải đoạn bỏ hay sao?

Tôn giả Diệu Âm đưa ra cách nói như vậy: “Nếu khéo léo thọ trì A-kiệp-ma thì đó là pháp, không khéo léo thọ trì A-kiệp-ma thì đó là phi pháp, khéo léo thọ trì hãy còn cần phải đoạn bỏ, huống hồ không khéo léo mà không cần phải đoạn bỏ hay sao?”

Hiếp Tôn giả nói: “Tác ý như lý là pháp, tác ý không như lý là phi

pháp, tác ý như lý hãy còn cần phải đoạn bỏ, huống hồ không như lý mà không cần phải đoạn bỏ ư?”

Lại nữa, tầm-quý là pháp, không có tầm-không có quý là phi pháp; ba căn thiện là pháp, ba căn bất thiện là phi pháp; bốn Niệm trú là pháp, bốn điên đảo là phi pháp; năm Căn là pháp, năm Cái là phi pháp; sáu Tùy niệm là pháp, sáu Ái thân là phi pháp; bảy Giác chi là pháp, bảy tùy miên là phi pháp; tám Đạo chi là pháp, tám Tà chi là phi pháp; chín Thứ đệ Định là pháp, chín Kiết là phi pháp; mười nghiệp đạo thiện là pháp, mười nghiệp đạo bất thiện là phi pháp. Những pháp thanh tịnh này hãy còn cần phải đoạn bỏ, huống hồ những pháp tạp nhiễm kia mà không cần phải đoạn bỏ hay sao?
